

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa GDTC (năm học 2010 -2011)
(Danh sách kèm theo quyết định số
1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT BH	ĐR L	Mức c	Số tiền học bổng
1	Võ Thị Giàu	K362.7	91			
	Thị	.90	4		240,1,2	
	Ngọc	3.0			000 00,	
	c	16			000	
2	Lê Hải Hoà	K362.8	78			
	Hoà	.90	6		240,1,2	
	ng	3.0			000 00,	
		20			000	
3	Lý Hoà Nhựt	K363.2	71			
	Nhựt	.90	4		240,1,2	
	t	3.0			000 00,	
		23			000	
4	Bùi Minh Kha	K362.6	89			
	Mìn	.90	7		240,1,2	
	h	3.0			000 00,	
		36			000	
5	Hồ	K362.9	71			
		.90	0		240,1,2	
		3.0			000 00,	
		51			000	
6	Bùi Đại Qua	K362.7	91			
	Qua	.90	1		240,1,2	
	ng	3.0			000 00,	
		55			000	
7	Ngũ Phú yễn	K363.1	84			
	yễn	.90	2		240,1,2	
	Trần	3.0			000 00,	
	Thiệt	74			000	
	n					

8	Lê Phú	K362.8	71	
	Hoà	.90	1	240,1,2
	ng	3.0		000 00,
		75		000
9	PhanQuỳ	K362.6	75	
	Phư nh	.90	7	240,1,2
		3.0		000 00,
		78		000
10	Ngu Toà	K363.2	74	
	yễn n	.90	1	240,1,2
		3.1		000 00,
		07		000
11	Lê Trìn	K362.8	85	
	h	.90	3	240,1,2
		3.1		000 00,
		10		000
12	TrầnDun	K362.8	81	
	Thị g	.90	6	240,1,2
	Phư	3.0		000 00,
	ơng	11		000
13	TrầnHạ	K362.9	77	
	Thị h	.90	8	240,1,2
	Mỹ	3.0		000 00,
		17		000
14	Ngô Linh	K363.2	82	
	Ngu	.90	4	300,1,5
	yễn	3.0		000 00,
	Thù	41		000
	y			
15	Ung Lon	K363.1	73	
	g	.90	2	240,1,2
		3.0		000 00,
		46		000
16	Lưu Trâ	K363.5	98	
	Ngọ m	.90	2	300,1,5
	c Th	3.1		000 00,
	a	08		000
	nh			
17	TrầnTuấ	K362.8	75	
	Mín n	.90	6	240,1,2
	h	3.1		000 00,
		20		000
18	TrầnTuy	K362.8	85	
	Thị ền	.90	8	240,1,2

	Tha	3.1	000 00,
	nh	23	000
19	Huỳnh Tử	K362.7 83	
	nh H	.90 4	240,1,2
		3.1	000 00,
		09	000
20	Ngư Hươ	K363.1 70	
	yễn ng	.90 0	240,1,2
	Thị	3.0	000 00,
		26	000
21	Trần Ngộ	K362.8 70	
	Thị c	.90 1	240,1,2
		3.0	000 00,
		61	000
22	Ngư Tha	K362.7 72	
	yễn nh	.90 9	240,1,2
	Hoà	3.0	000 00,
	ng	87	000
23	Đặng Tran	K362.7 70	
	g Ngg	.90 6	240,1,2
	uyễn	3.1	000 00,
	Thù	09	000
	y		
24	Đàm Bảo	K357.7 83	
	Lê	.90 5	240,1,2
	Ngộ	3.0	000 00,
	c	05	000
25	Khư Chư	K358.2 82	
	ơng ờng	.90 9	300,1,5
	Văn	3.0	000 00,
		09	000
26	Sau Hà	K357.7 82	
	Mỹ	.90 5	240,1,2
		3.0	000 00,
		24	000
27	Hồ	K358.3 83	
	Thị	.90 2	300,1,5
	Thu	3.0	000 00,
		28	000
28	Ngư Khá	K357.5 70	
	yễn nh	.90 7	240,1,2
		3.0	000 00,
		39	000

29	Ngu Nghi	K357.6	82		
	yễn a	.90	1	240,1,2	
	Thị	3.0		000 00,	
		56		000	
30	Đỗ Ngu	K357.6	82		
	Thị y	.90	4	240,1,2	
	ên	3.0		000 00,	
		59		000	
31	Ngu	K358.0	80		
	yễn	.90	7	300,1,5	
	Thà	3.0		000 00,	
	nh	80		000	
	Chí				
32	Lê Thà	K357.8	78		
	Ngọ nh	.90	2	240,1,2	
	c	3.0		000 00,	
		86		000	
33	Ngu Thu	K358.2	83		
	yễn	.90	1	300,1,5	
	Thị	3.0		000 00,	
	Lệ	92		000	
34	Trần Tùn	K357.6	78		
	Tha g	.90	8	240,1,2	
	nh	3.1		000 00,	
		08		000	
35	Thâ Đào	K358.4	92		
	n	.90	3	300,1,5	
		3.0		000 00,	
		17		000	
36	Giáp	K358.4	83		
		.90	3	300,1,5	
		3.0		000 00,	
		22		000	
37	Đỗ Ly	K357.5	83		
	Thị	.90	7	240,1,2	
	Ái	3.0		000 00,	
		51		000	
38	Trần	K358.2	84		
	Hồ	.90	5	300,1,5	
	Mín	3.0		000 00,	
	h	96		000	

39 Lê Dươ K357.8 80
 ng .90 9 240,1,2
 3.0 000 00,
 15 000

40 Lê Thi K357.8 95
 Thị .90 9 240,1,2
 3.0 000 00,
 89 000

41 Trư Chiế K348.6 87
 ơng n .90 3 300,1,5
 Min 3.0 000 00,
 h 10 000

42 Ngu Thu K348.5 86
 yễn ần .90 8 300,1,5
 3.0 000 00,
 85 000

43 Quã Triể K348.9 80
 ng n .90 5 300,1,5
 3.0 000 00,
 96 000

44 Trư Tú K348.5 78
 ơng .90 8 240,1,2
 3.1 000 00,
 11 000

45 Ngu Vũ K348.5 99
 yễn .90 8 300,1,5
 3.1 000 00,
 17 000

46 Trần Lĩnh K348.6 87
 .90 3 300,1,5
 3.0 000 00,
 48 000

47 Ngu Nhi K348.7 81
 yễn .90 9 300,1,5
 Thị 3.0 000 00,
 59 000

48 Trần Phúc K349.2 87

	Hoà	.90 1	300,1,5
	ng	3.0	000 00,
		65	000
49	Lê Quy	K349.2 100	
	Thị ên	.90 1	360,1,8
	Tú	3.0	000 00,
		70	000
50	Lý Thê	K349.1 80	
	Tài	.90 1	300,1,5
		3.0	000 00,
		81	000
51	Trần Thu	K349.2 90	
	Hoà ận	.90 1	360,1,8
	ng	3.0	000 00,
		86	000
52	Trần Toá	K348.7 80	
	n	.90 9	300,1,5
		3.0	000 00,
		94	000
53	Phan Tuy	K349.4 85	
	Nhật ền	.90 7	300,1,5
		3.1	000 00,
		09	000
54	Đoà Vỹ	K348.5 92	
	n Hồ	.90 8	300,1,5
	ng	3.1	000 00,
		18	000
55	Võ Hoa	K348.6 83	
	Thị	.90 3	300,1,5
	Tha	3.0	000 00,
	nh	26	000
56	Hà Oan	K348.6 99	
	h	.90 3	300,1,5
		3.0	000 00,
		63	000
57	Cao Phư	K348.8 98	
	Mìn ơng	.90 9	300,1,5
	h	3.0	000 00,
		66	000
58	Ngu Trun	K348.6 80	

	yễn g	.90 3	300,1,5
	Thà	3.0	000 00,
	nh	98	000
59	TrầnĐại	K339.1 94	
	Huỳ	.90 4	360,1,8
	nh	3.0	000 00,
		06	000
60	Lê Ninh	K338.6 96	
		.90 2	300,1,5
		3.0	000 00,
		35	000
61	Cao Qua	K338.6 88	
	Mín ng	.90 2	300,1,5
	h	3.0	000 00,
		44	000
62	Lại Thư	K338.6 88	
	Phụ	.90 7	300,1,5
	ng	3.0	000 00,
		60	000
63	Lê Đôn	K338.7 97	
	g	.90 6	300,1,5
		3.0	000 00,
		07	000
64	Lê Mỹ	K338.9 91	
	Thị	.90 5	300,1,5
	Ngọ	3.0	000 00,
	c	26	000
65	Ngô Ngọ	K338.6 86	
	Thị c	.90 2	300,1,5
	Thu	3.0	000 00,
		32	000
66	Vũ Thà	K338.5 85	
	Thị o	.90 7	300,1,5
	Tha	3.0	000 00,
	nh	56	000
67	ĐinhThi	K338.7 89	
	Thị t	.90 6	300,1,5
	Thu	3.0	000 00,
		57	000
68	Ngu Tú	K338.7 84	
	yễn	.90 6	300,1,5
	Lâm	3.0	000 00,
	Ngọ	70	000
	c		
69	Đoà Hân	K337.8 83	
	n g	.90 9	240,1,2
	Thị	5.0	000 00,
		22	000

70	PhanHoa	K337.6	86	
	Thị	.90	8	240,1,2
		5.0		000 00,
		27		000
71	Mai Hồ	K337.7	96	
	Sỹ	.90	4	240,1,2
		5.0		000 00,
		28		000
72	Vũ Hùn	K338.1	94	
	Huy g	.90	6	300,1,5
		5.0		000 00,
		32		000
73	Ngu	K338.2	94	
	yễn	.90	1	300,1,5
		5.0		000 00,
		68		000
74	Phạ Tuy	K337.5	93	
	m ền	.90	8	240,1,2
	Thị	5.0		000 00,
		75		000
75	Phạ	K337.5	96	
	m	.90	8	240,1,2
	Thị	5.0		000 00,
		80		000
76	Ngu Đình	K337.5	93	
	yễn	.90	8	240,1,2
		5.0		000 00,
		14		000
77	Vũ Hiếu	K338.0	95	
	Mín	.90	0	300,1,5
	h	5.0		000 00,
		26		000
78	Trần Hùn	K337.7	94	
	Quốc g	.90	9	240,1,2
	c	5.0		000 00,
		31		000
79	Hồ Quy	K337.5	95	
	Trọng ền	.90	3	240,1,2
	g	5.0		000 00,
		59		000
80	Ngu Tuy	K337.5	93	
	yễn ết	.90	3	240,1,2
	Thị	5.0		000 00,
		76		000
81	Lê Tị	K337.7	93	
	Thị	.90	9	240,1,2

5.0	000 00,
77	000